TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: **07**/2023/DS-ST
Nay 23 tháng 6 N 2023
"V/v: Tranh chấp vềthừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

+ *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Bình Luyến.

+ *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Huy Trụ;

Bà Lưu Thị Kim Thanh.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Hoàng Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh PT,tham gia phiên toà***: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2022/TLST-DS ngày 01/11/2022, về*: "Tranh chấp về thừa kế tài sản";* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 01/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/6/2023, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Triệu Thị T**, sinh N: 1973;
Địa chỉ: Khu 4, xã PN, huyện PN, tỉnh PT.

2. *Bị đơn*: Cụ **Ngô Thị V**, sinh N 1930;
Địa chỉ: Khu 3, xã HC, TP.VT, tỉnh PT.

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án*:

3.1. Bà **Triệu Thị Đề**, sinh N 1957;
Địa chỉ: Khu 12, xã HC, TP.VT, tỉnh PT.

3.2. Ông **Triệu Văn T**, sinh N 1963;
Địa chỉ: Khu 3, xã HC, TP.VT, tỉnh PT.

3.3. Bà **Triệu Thị T**, sinh N 1965;
Địa chỉ: Thôn Tân Thịnh, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh PT.

3.4. Bà **Triệu Thị N**, sinh N 1969;
Địa chỉ: SN 07 tổ 5, khu Mã Thượng B, thị trấn PC, huyện PN, tỉnh PT.

3.5. Ông **Triệu Văn T**, sinh N 1971;
Địa chỉ: Khối 8, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh ĐB.

3.6. Chị **Triệu Hồng H**, sinh N 1985;

Địa chỉ: Số 11, ngõ 14, tổ 22, phường KT, quận TX, thành phố HN; (Chị H là con đẻ của ông Triệu Văn C).

(Bà T, bà Đcó mặt; Cụ V, ông T, bà T, bà N, ông T, chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn là bà Triệu Thị T trình bày nội dung như sau:

Về mối quan hệ gia đình: Bố mẹ đẻ của bà Triệu Thị T là cụ Ngô Thị V, sinh N 1930 và cụ Triệu Xuân M, sinh N 1933, cụ M đã chết ngày 16/10/2009; cụ V và cụ M sinh được 07 người con, gồm có:

1. Bà Triệu Thị Đề, sinh N 1957; hiện nay đang ở tại: Khu 12, xã HC, thành phố VT, tỉnh PT.

2. Ông Triệu Văn C, sinh N 1958, đã chết ngày 06/9/2013; ông C có vợ là bà Phạm Thị Hồng; ông C và bà Hồng có 01 con chung là chị Triệu Hồng H, sinh N 1985; hiện nay đang ở tại: Số 11, ngõ 14, tổ 22, phường KT, quận TX, thành phố HN.Ông C và bà Hồng đã ly hôn ngày 27/6/1998.

3. Ông Triệu Văn T, sinh N 1963; hiện nay đang ở tại: Khu 3, xã HC, thành phố VT, tỉnh PT.

4. Bà Triệu Thị T, sinh N 1965; hiện nay đang ở tại: Thôn Tân Thịnh, thị trấn ĐH, huyện ĐH, tỉnh PT.

5. Bà Triệu Thị N, sinh N 1969; hiện nay đang ở tại: Số nhà 07, tổ 5, khu Mã Thượng B, thị trấn PC, huyện PN, tỉnh PT.

6. Ông Triệu Văn T, sinh N 1971; hiện nay đang ở tại: Khối 8, thị trấn MA, huyện MA, tỉnh ĐB.

7. Bà Triệu Thị T, sinh N: 1973; hiện nay đang ở tại: Khu 4, xã PN, huyện PN, tỉnh PT

Tài sản chung của cụ V và cụ M là Quyền sử dụng đất có diện tích 3.185m^2 (trong đó 400m^2 đất ở và 2.785m^2 đất vườn, có thời hạn sử dụng lâu dài); Thuộc thửa số 170, tờ bản đồ số 34; Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: Giấy CNQSD đất) do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là: UBND) huyện Lâm Thao (nay thuộc địa giới hành chính thành phố VT), thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M. Nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện nay thửa đất có diện tích đất là 3.715m^2 tăng với Giấy CNQSD đất là 530m^2. Ngày 16/10/2009, cụ M chết do già yếu, trước khi chết cụ M không để lại di chúc gì. Sau khi cụ M chết cho đến nay các thành viên trong gia đình chưa họp gia đình để phân chia di sản của cụ M để lại. Nay bà T yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ M để lại là 1/2 quyền sử dụng đất như nêu trên theo pháp luật. Phía bà T Đnghị giao lại cho ông T toàn bộ phần di sản mà bà được hưởng để ông T làm nơi thờ cúng gia tiên; bà T không yêu cầu ông T phải thanh toán chênh lệch giá trị di sản.

Về tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án thì bà T xin tự nguyện nộp toàn bộ, bà T không yêu cầu các đương sự khác

phải có nghĩa vụ gì.

Bị đơn là cụ Ngô Thị V trình bày: Cụ Ngô Thị V là mẹ đẻ của bà Triệu Thị T; cụ V thừa nhận mối quan hệ gia đình và nội dung mà bà T trình bày nêu trên là hoàn toàn đúng. Cụ V xác định tài sản chung của cụ và cụ Triệu Xuân M là quyền sử dụng đất như nêu trên là hoàn toàn đúng; trong đó 1/2 là di sản của cụ M để lại; ngoài ra hai cụ không có tài sản gì khác. Cụ V thừa nhận khi cụ M chết không để lại di chúc gì, nên nay bà T khởi kiện chia di sản của cụ M để lại là 1/2 quyền sử dụng đất nêu trên theo pháp luật thì cụ V hoàn toàn nhất trí. Cụ V Đnghị Tòa án giao toàn bộ tài sản riêng của cụ là 1/2 quyền sử dụng đất nêu trên và phần di sản thừa kế mà cụ được hưởng của cụ M khi chia theo pháp luật cho ông Triệu Văn T. Cụ V không yêu cầu ông T phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản. Ngoài ra, cụ V có đơn xin miễn tiền án phí dân sự, vì cụ đã 83 tuổi, thuộc người cao tuổi và xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Triệu Văn T, bà Triệu Thị Đề, bà Triệu Thị T và bà Triệu Thị N đều trình bày như sau: Về mối quan hệ gia đình nội tộc như các bên trình bày là hoàn toàn đúng. Ông T, bà Đề, bà T và bà N xác định tài sản chung của cụ V và cụ M như nêu trên là đúng và thừa nhận cụ M chết ngày 16/10/2009, trước khi chết cụ M không để lại di chúc gì và cũng chưa họp gia đình để phân chia di sản của cụ M là 1/2 quyền sử dụng nêu trên. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ M để lại theo pháp luật thì đều nhất trí. Ông T, bà Đề, bà T và bà N Đnghị được giao lại toàn bộ tài sản thừa kế của cụ M để lại mà ông T, bà Đề, bà T và bà N được hưởng theo pháp luật cho ông Triệu Văn T, để ông T làm nơi thờ cúng gia tiên. Ông T, bà Đề, bà T và bà N không yêu cầu ông T phải thanh toán lại chênh lệch tài sản. Ngoài ra, bà Đvà ông T có đơn xin miễn tiền án phí dân sự, vì thuộc người cao tuổi; Ông T, bà T, bà N xin được xét xử vắng mặt.

- Ông Triệu Văn T trình bày: Ông T thừa nhận mối quan hệ gia đình nội tộc và nội dung sự việc như mọi người trình bày nêu trên là hoàn toàn đúng. Ông T xác định hiện nay ông và cụ V chung sống trên quyền sử dụng đất của cụ V và cụ M. Còn các tài sản có trên đất là tài sản của ông T. Nay bà T khởi kiện chia di sản của cụ M để lại theo pháp luật thì ông T hoàn toàn nhất trí. Quan điểm của cụ V, ông T, bà Đề, bà T, bà N và bà T đều nhất trí giao cho ông Triệu Văn T được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế của cụ M mà họ được hưởng theo pháp luật và được quyền sử dụng 1/2 quyền sử dụng đất mà cụ V được hưởng khi chi tài sản chung với cụ M. Không ai yêu cầu ông T phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản. Ông T hoàn toàn nhất trí với nguyện vọng của mọi người nêu trên và Đnghị Tòa án giải quyết giao lại cho ông được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản. Ngoài ra, ông T Đnghị như sau: ngoài việc ông T phải chịu án phí dân sự đối với phần di sản thừa kế mà ông được hưởng ra, thì ông T tự nguyện xin được đứng ra trả tiền án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà T, bà N và bà T đối với phần giá trị di sản mà họ được hưởng và thanh toán tiền cho cháu H theo quy định.

- Chị Triệu Hồng H trình bày: Về mối quan hệ gia đình nội tộc và nội dung sự việc như mọi người trình bày nêu trên là hoàn toàn đúng, chị H không có ý

kiến gì. Chị H thừa nhận mẹ đẻ chị là bà Phạm Thị Hồng, bố đẻ chị là ông Triệu Văn C, sinh N 1958, ông C đã chết N 2013, không để lại di chúc gì. Bố mẹ chị H đã ly hôn N 1998 và chỉ sinh ra được một mình chị. Đối với việc bà T khởi kiện chia di sản thừa kế của ông nội chị là cụ M để lại là 1/2 quyền sử dụng đất như các bên trình bày nêu trên mà chị là thừa kế thế vị thay cho bố đẻ chị đứng ra nhận phần di sản thừa kế theo pháp luật của cụ M để lại thì chị hoàn toàn nhất trí, nhưng chị H xin được hưởng di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Ngoài ra, chị H không có ý kiến và Đnghị gì khác về di sản của cụ M để lại. Vì điều kiện đi lại khó khăn nên chị H Đnghị xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra tài sản trên diện tích đất là 01 nhà cấp 4, xây N 1990; 01 bếp, xây N 1990; Sân lợp mái tôn; Tường dào xây và diện tích đất lúa. Các đương sự đều thống nhất các tài sản trên đã cũ, giá trị không lớn, khi chia đất nếu ai được quyền sử dụng diện tích đất mà có tài sản gắn liền với đất thì được quyền sở hữu và không phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho nhau. Còn chị H không Đnghị Tòa án xem xét, chia tài sản trên đất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Về việc tuân theo pháp luật của tố tụng dân sự: Vụ án mà tòa án thụ lý là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản", bị đơn có nơi cư trú tại thành phố VT và tài sản chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại thành phố VT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố VT được quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự N 2015. Vụ án tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 củaBộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án, Đnghị HĐXX: Căn cứ vào các Điều: 609, 610, 611, 612, 613, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị Quyết 326ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Triệu Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Triệu Xuân M.

Giao diện tích đất 3.185m^2, thửa đất số 170, tờ bản đồ số 34 tại khu 2, xã Huy Cương, TP VT, tỉnh PT cho ông Triệu Văn T quản lý sử dụng toàn bộ tài sản là nhà và đất.

Ông T có trách nhiệm thanh toán cho chị Triệu Hồng H số tiền 45.365.000^đ.

Về chi phí thẩm định bà T đã nộp và tự nguyện chịu chi phí thẩm định.

Về án phí: Cụ V, bà Đề, ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí. Ông T, chị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với phần di sản được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xã HC, thành phố VT, tỉnh PT và tài sản chia thừa kế là bất động sản tại xã HC, thành phố VT; Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh PT.

Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Triệu Xuân M chết ngày 16/10/2009, căn cứ vào Điều 623 của Bộ luật Dân sự, còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

Xét về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thấy rằng cụ V, ông T, ông T, bà T, bà N và chị H có đơn Đnghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc không tiến hành hòa giải được: Xét thấy, nguyên đơn là bà Triệu Thị T Đnghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, là phù hợp với khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định như sau: Cụ Ngô Thị V và cụ Triệu Xuân M là vợ chồng và sinh được 07 người con, gồm có bà Triệu Thị Đề, ông Triệu Văn C, ông Triệu Văn T, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị N, ông Triệu Văn T và bà Triệu Thị T. Ngày 16/10/2009 cụ M chết và không để lại di chúc gì. Cả nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều xác nhận, tài sản chung của cụ V và cụ M là: Quyền sử dụng đất 3.185m^2 (trong đó 400m^2 đất ở và 2.785m^2 đất vườn, có thời hạn sử dụng lâu dài); Thuộc thửa số 170, tờ bản đồ số 34; Theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Lâm Thao (nay thuộc địa giới hành chính thành phố VT), thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M.

Khi cụ M chết thì tài sản chung của cụ V và cụ M là quyền sử dụng đất có diện tích là 3.185m^2 được chia làm đôi; trong đó cụ V được hưởng một nửa, còn một nửa là di sản của cụ M để lại. Bởi vì, đây là tài sản chung hợp phất của vợ chồng cụ V và cụ M. Cụ thể, mỗi một người được hưởng là 200m^2 đất ở và 1.392,5m^2 đất vườn.

Cụ Triệu Xuân M chết không để lại di chúc gì, vì vậy việc chia di sản của cụ M để lại theo pháp luật, là hợp pháp.

Xác định di sản thừa kế của cụ M để lại là: Diện tích đất 1.592,5m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 1.392,5m^2 đất vườn, có thời hạn sử dụng lâu dài; Diện tích đất này nằm trong thửa đất số 170, tờ bản đồ số 34; Theo Giấy CNQSD đất do

UBND huyện Lâm Thao (nay thuộc địa giới hành chính thành phố VT), thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M.

Biên bản định giá tài sản ngày 23/02/2023, Hội đồng định giá tài sản thành phố VT, xác định giá trị quyền sử dụng đất ở là:1.000.000đ/1m^2 x 200m^2 = 200.000.000đồng, đất vườn là: 117.000đ/1m^2 x 1.392,5m^2 = 162.922.500đồng.

Căn cứ vào diện và hàng thừa kế thì xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ M gồm có 08 người là: Cụ Ngô Thị V, bà Triệu Thị Đề, ông Triệu Văn C, ông Triệu Văn T, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị N và ông Triệu Văn T.

Di sản là tài sản trên của cụ M được chia đều cho 08 phần, cụ thể mỗi phần được hưởng bằng hiện vật là: 25m^2 đất ở, trị giá bằng tiền là: 25m^2 x 1.000.000đ/1m^2 = 25.000.000 đồng và 174,062m^2 đất vườn, trị giá bằng tiền là: 174,062m^2 x 117.000đ/1m^2 = 20.365.000 đồng; tổng giá trị = 45.365.000 đồng.

Do ông Triệu Văn C, chết N 2013, chết sau thời điểm mở thừa kế, là ngày 16/10/2009 (Là ngày cụ M chết). Nên chị Triệu Hồng H là con duy nhất của ông C được hưởng phần của ông C. Bà Phạm Thị Hồng là vợ ông C không được hưởng di sản này, vì ông C và bà Hồng đã ly hôn N 1998.

Xét nguyện vọng của cụ V, bà Đề, ông T, bà T, bà N và bà T là giao cho ông T được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế của cụ M mà họ được hưởng khi chia theo pháp luật và cụ V cho ông T được quyền sử dụng 1/2 là tài sản riêng của cụ khi chia tài sản chung với cụ M. Cụ V, bà Đề, ông T, bà T, bà N và bà T không yêu cầu ông T phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản. Phía ông T hoàn toàn nhất trí. Nhận thấy, nguyện vọng trên của các bên dựa trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp pháp luật, nên C chấp nhận.

Xét nguyện vọng của chị Triệu Hồng H là được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, thấy rằng: Căn cứ vào văn bản số 2303 ngày 14/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VT, cung cấp: Thửa số 170, tờ bản đồ số 34; tại khu 3, xã HC, thành phố VT, Theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Lâm Thao, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M thuộc quy hoạch vùng II - Khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng. Theo quy hoạch sử dụng đất thành phố VT giai đoạn 2021-2030 đã được UBND tỉnh PT phê duyệt tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND nay 31/8/2021, vị trí thửa đất nêu trên thuộc quy hoạch đất rừng đặc dụng (RDD); căn cứ vào Quyết định số: 14/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh PT, thì không đủ điều kiện tách thửa. Nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận nguyện vọng của chị H được, là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Đối với tài sản trên diện tích đất 3185m^2 gồm: 01 nhà cấp 4, xây N 1990; 01 bếp, xây N 1990; Sân lợp mái tôn; Tường dào xây. Các đương sự đều thống nhất các tài sản trên đã cũ, giá trị không lớn, khi chia đất nếu ai được quyền sử dụng diện tích đất mà có tài sản gắn liền với đất thì được quyền sở hữu và không phải có trách nhiệm gì thanh toán giá trị tài sản gì cả. Chị H không Đnghị Tòa án xem xét, chia tài sản trên đất. Xét thấy, Đnghị này của các bên dựa trên cơ sở tự nguyện, các tài sản trên gắn liền với quyền sử dụng đất nên khi giao đất cho ai thì người đó sẽ được quyền quản lý, sử dụng các tài sản trên là phù hợp.

Đối toàn bộ diện tích đất lúa 726m^2, các đương sự không Đnghị giải quyết. Nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích nêu trên, trên cơ sở sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; Căn cứ vào hiện trạng thực tế của di sản thừa kế và căn cứ vào nhu cầu sử dụng tài sản của các đương sự; Hội đồng xét xử xét thấy C chia như sau:

- Giao cho ông Triệu Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 3.185m^2, (trong đó 400m^2 đất ở và 2.785m^2 đất vườn, có thời hạn sử dụng lâu dài); Thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 34; tại khu 3, xã HC, thành phố VT, tỉnh PT và các tài sản gắn liền với đất; Theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Lâm Thao (nay thuộc địa giới hành chính thành phố VT), thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M. Theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VT lập ngày 23/02/2023.

Ông Triệu Văn T không phải thanh toán giá trị tài sản và di sản thừa kế cho cụ Ngô Thị V, bà Triệu Thị Đề, ông Triệu Văn T, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị N và bà Triệu Thị T, vì họ tự nguyện cho.

Ông Triệu Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Triệu Hồng H giá trị tài sản mà ông Triệu Văn C được hưởng di sản thừa kế của cụ Triệu Xuân M với số tiền là: 45.365.000 đồng.

Đối với diện tích đất tăng so với Giấy CNQSD đất là 530m^2 (Theo Giấy CNQSD đất có diện tích là 3,185m^2, theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất có diện tích là 3.715m^2), các đương sự không Đnghị xem xét. Căn cứ vào văn bản số 2303 ngày 14/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VT, cung cấp: Thửa số 170, tờ bản đồ số 34; tại khu 3, xã HC, thành phố VT, Theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Lâm Thao, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M thuộc quy hoạch vùng II - Khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng. Theo quy hoạch sử dụng đất thành phố VT giai đoạn 2021-2030 đã được UBND tỉnh PT phê duyệt tại Quyết định số 2208/QĐ-UBND nay 31/8/2021, vị trí thửa đất nêu trên thuộc quy hoạch đất rừng đặc dụng (RDD); Căn cứ vào Quyết định số: 14/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh PT. Nên Hội đồng xét xử không xem xét diện tích đất tăng trên là phù hợp pháp luật.

[3].*Về án phí:*

- Xét thấy, cụ V, ông T và bà Đđều thuộc người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, nên C miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cụ V, ông T và bà Đlà phù hợp với điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Phía ông T xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế cho bà T, bà N và bà T. Do vậy, C buộc ông T phải chịu tiền án phí chia tài sản, tổng cộng là 9.073.000 đồng tiền án phí chia tài sản; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp, theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0009586 ngày 01/11/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT; ông T còn phải nộp số tiền là: 8.773.000 đồng.

- Chị H phải chịu 2.268.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản, là phù hợp pháp luật.

[4].*Về chi phí tố tụng*: Chi phí về xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng. Bà T xin tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng (*N triệu đồng*), không yêu cầu các đương sự khác phải chịu; nên C xác nhận bà T đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng, là phù hợp pháp luật.

Xét Đnghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 175, Điều 176, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị Quyết 326ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị T về việc chia di sản thừa kế của cụ Triệu Xuân M.

Xác định cụ Triệu Xuân M đã chết ngày 16/10/2009 và không để lại di chúc gì.

Xác nhận tài sản chung của Ngô Thị V và cụ Triệu Xuân M là: Quyền sử dụng đất 3.185m^2, (trong đó 400m^2 đất ở và 2.785m^2 đất vườn, có thời hạn sử dụng lâu dài); Thuộc thửa số 170, tờ bản đồ số 34; tại khu 3, xã HC, thành phố VT, tỉnh PT; Theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Lâm Thao (nay thuộc địa giới hành chính thành phố VT), thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M.

Xác định di sản thừa kế cụ Triệu Xuân M để lại là: Diện tích đất 1.592,5m^2, trong đó 200m^2 đất ở và 174,062m^2 đất vườn, có thời hạn sử dụng lâu dài; Diện tích đất này nằm trong thửa đất số 170, tờ bản đồ số 34; tại khu 3, xã HC, thành phố VT, tỉnh PT. Theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Lâm Thao (nay thuộc địa giới hành chính thành phố VT), thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M.

Xác định những người trong diện và hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế của cụ Triệu Xuân M gồm có 08 người là: Cụ Ngô Thị V, bà Triệu Thị Đề, chị Triệu Hồng H (Chị Triệu Hồng H được hưởng phần của ông Triệu Văn C), ông Triệu Văn T, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị N, ông Triệu Văn T và bà Triệu Thị T.

Giao cho ông Triệu Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 3.185m^2, (trong đó 400m^2 đất ở và 2.785m^2 đất vườn, có thời hạn sử dụng lâu dài) và các tài sản gắn liền với đất; Thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 34; tại khu 3, xã HC, thành phố VT, tỉnh PT; Theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Lâm Thao (nay thuộc địa giới hành chính thành phố VT), thành phố VT, tỉnh PT cấp ngày 09/01/2002, mang tên hộ ông Triệu Xuân M. *(Theo Bản trích đo hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố VT lập ngày 23/02/2023).*

Ông Triệu Văn T không phải thanh toán giá trị tài sản và di sản thừa kế cho cụ Ngô Thị V,bà Triệu Thị Đề, ông Triệu Văn T, bà Triệu Thị T, bà Triệu Thị N và bà Triệu Thị T, vì họ tự nguyện cho.

Ông Triệu Văn T có trách nhiệm thanh toán cho chị Triệu Hồng H giá trị tài sản mà ông Triệu Văn C được hưởng di sản thừa kế của cụ Triệu Xuân M với số tiền là: 45.365.000 đồng *(Bốn mươi N triệu, ba trăm sáu mươi N nghìn đồng)*.

Khi án có hiệu lực pháp luật, ông T không thanh toán mà chị H có đơn Đnghị Thi hành án, thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

** Về án phí:*

- Ông Triệu Văn T phải nộp số 2.268.000 đồng *(Hai triệu, hai trăm sáu mươi T nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ông Triệu Văn T tự nguyện chịu nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà T, bà N và bà T mỗi người là 2.268.000 đồng, tổng cộng là 9.073.000 đồng *(Chín triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn đồng)* được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp, theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0009586 ngày 01/11/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT, tỉnh PT; ông Triệu Văn T còn phải nộp số tiền là: 8.773.000 đồng *(T triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị Triệu Hồng H phải nộp số 2.268.000 đồng *(Hai triệu, hai trăm sáu mươi T nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế.
- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia di sản thừa kế cho cụ Ngô Thị V, ông Triệu Văn T và bà Triệu Thị Đề.

** Về chi phí tố tụng*: Chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng (*N triệu đồng*) bà Triệu Thị T tự nguyện nộp toàn bộ tiền chi phí tố tụng, không yêu cầu các đương sự khác phải chịu. Xác nhận bà T đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Đnghị Toà án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSNDTP.VT;
- VKSND tỉnh PT;
- UBND TP.VT;
- Chi cục THATP.VT;
- UBND xã HC, VT;
- Các đương sự;

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS, AV.

Nguyễn Bình Luyến